

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CƠ BẢN CỦA KINH TẾ CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN NĂM 2005

Ngô Thị Trinh*

Năm 2005 mặc dù tình hình thế giới có nhiều biến động, giá dầu mỏ tăng ở mức rất cao, nhiều thiên tai, dịch bệnh đã xảy ra, song các nước đang phát triển vẫn tiếp tục phát triển kinh tế, tham gia vào quá trình toàn cầu hoá, hội nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực. Vai trò quốc tế của các nước đang phát triển ngày càng tăng lên, nhưng những khó khăn thách thức cũng ngày càng nhiều thêm. Những đặc điểm và xu hướng nổi bật về tình hình kinh tế chính trị các nước đang phát triển trong năm 2005 như sau:

I. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CAO ỔN ĐỊNH NHUNG KHÔNG ĐỒNG ĐỀU GIỮA CÁC NƯỚC VÀ CÁC CHÂU LỤC

Theo báo cáo "Triển vọng kinh tế thế giới" của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và dự báo của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tháng 11/2005, kinh tế toàn cầu năm 2005 tăng trưởng với tốc độ 4,3% và hạ xuống 3,9% năm 2006, cao hơn mức trung bình của thập kỷ trước. Theo đó, tăng trưởng bình quân của các nước đang phát triển là 6,4% năm 2005 và dự đoán 5,9% năm 2006. Trong nhóm các nước đang phát triển, châu Á là khu vực năng động nhất, đã và đang trở thành trọng tâm của tiến bộ kinh tế toàn cầu, đạt được

tỷ lệ tăng trưởng 6,5%. Theo IMF, sự phát triển kinh tế của châu Á đã có phần đóng góp rất lớn của hai nền kinh tế khổng lồ giữ vai trò tiên phong là Trung Quốc và Ấn Độ, với mức tăng trưởng GDP là 9% và 7%. Các nước ASEAN- 4 có Ấn Độ tăng trưởng kinh tế cao nhất là 5,8%. Tốc độ tăng trưởng của hầu hết các nền kinh tế còn lại của châu Á năm 2005 đã chậm hơn năm 2004 một chút: Thái Lan 5%, Hồng Kông 4,7%, Đài Loan 4%, Xingapo 4,7%, Malaixia 5% so với con số tương ứng của năm 2004 là 6,1%, 8,3%, 5,7%, 8,5% và 7,1%. Theo đánh giá của các nhà nghiên cứu kinh tế thế giới, thảm họa sóng thần ngày 26/12/2004 đã gây thiệt hại đến kết cấu hạ tầng kinh tế như hệ thống viễn thông, ngân hàng, cầu cảng, đường giao thông, đặc biệt là ngành du lịch, nhưng cũng không làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước châu Á.

IMF còn cho biết năm 2005, tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước Mỹ Latinh là 4,1% và dự đoán 3,8% trong năm 2006. Braxin là nền kinh tế lớn nhất khu vực đạt mức tăng vừa phải là 3,3%, Mêhicô là 3%. Quốc gia có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất là Chile 5,9% và Vêneuêla là 4,5%. Kinh tế của các nước Mỹ Latinh năm 2005 đã đi vào giai đoạn phát triển ổn định hơn sau thời kỳ phục hồi mạnh vào đầu năm 2004. Theo Ủy ban kinh tế Mỹ Latinh

* Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

thuộc Liên hiệp quốc (CEPAL), năm 2005 là năm đầu tiên tất cả các nền kinh tế Mỹ Latinh đều đạt mức tăng trưởng dương sau hơn 7 năm trở lại đây. Xuất khẩu hàng hóa và nguyên liệu tăng mạnh và ở hầu hết các nền kinh tế lớn, cán cân thanh toán tài khoản vãng lai của toàn khu vực thặng dư gần 18 tỷ USD, trao đổi thương mại tiếp tục hỗ trợ cho đà tăng trưởng, mặc dù hoạt động xuất khẩu của khu vực chế tạo đã giảm đôi chút cùng với sự suy giảm chung của ngành này trên toàn cầu.

Châu Phi có mức tăng trưởng chung là 4,5%, trong đó của các nước Bắc Phi là 5,7%, Nam Xahara là 5,3%, Nam Phi 4%, Nam và Tây Phi 6%. Tăng trưởng kinh tế cao nhất thuộc về các nước xuất khẩu dầu lửa như Angola, Nigieria. Bộ công nghiệp Angola cho biết, năm 2005 thu nhập từ sản xuất dầu lửa của Angola tăng 11,9%, tăng trưởng kinh tế của nước này đạt 15,9% (IMF đánh giá là 14,7%), mức tăng cao nhất châu Phi. Dự đoán năm 2006, kinh tế Angola tiếp tục tăng trưởng nhanh và có thể đạt mức tăng kỷ lục là 27,9%. Yếu tố thúc đẩy tăng trưởng của các nước xuất khẩu dầu lửa là do tăng sản lượng khai thác dầu trong khi giá dầu thế giới trong năm 2005 tăng trung bình 37% so với năm 2004.

Nhìn chung năm 2005, khu vực kinh tế các nước đang phát triển đạt được tốc độ tăng trưởng cao mặc dù có một số khó khăn. Rào cản cơ bản cho sự tăng trưởng là giá dầu tăng cao đã đặt gánh nặng cho cán cân thanh toán và năng lực tài chính, góp phần tăng sức ép lạm phát đối với nền kinh tế các nước nhập khẩu dầu lửa. Ngược lại, các nước xuất khẩu dầu lửa nhờ tăng giá dầu đã đạt tốc độ tăng trưởng cao, từ đó thúc đẩy nhu cầu trong nước và tiêu

dùng, tăng đầu tư và phát triển các khu vực phi dầu mỏ như xây dựng và dịch vụ.

II. THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ TIẾP TỤC LÀ ĐỘNG LỰC THúc ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ ĐỒNG THỜI NẢY SINH NHIỀU KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

Hội nghị Liên hiệp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) tháng 1/2005 cho rằng, do có sự hội nhập mạnh mẽ vào nền kinh tế thế giới, các nước đang phát triển ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sản xuất, buôn bán và tiêu dùng toàn cầu. Mức xuất khẩu và thị phần của các nước đang phát triển vẫn tiếp tục tăng khá nhanh so với các nước phát triển. Hàng xuất khẩu của các nước đang phát triển ngày càng đa dạng hoá và chất lượng được nâng cao. Năm 2004, các nước đang phát triển chiếm 31% thị trường thương mại hàng hoá toàn cầu, cao nhất kể từ trước đến nay. Trung Quốc đã vượt Nhật Bản để trở thành nước buôn bán đứng hàng thứ ba thế giới, chiếm 6,5% tổng lượng xuất khẩu thế giới sau Đức và Mỹ. Trong 10 tháng đầu năm 2005, thặng dư thương mại của Trung Quốc đạt 80,37 tỷ USD, cả năm là 100 tỷ USD. Dự tính đến năm 2010, kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc sẽ đạt từ 900 đến 1000 tỷ USD.

Theo UNCTAD, hiện nay thị trường Mỹ đã nhập khẩu hàng hoá từ các nước đang phát triển nhiều hơn so với lượng nhập từ các nước phát triển. Ngược lại, các nước đang phát triển cũng là thị trường tiêu thụ sản phẩm của các nước tư bản phát triển, có tới 50% lượng hàng xuất khẩu của Nhật Bản và hơn 30% lượng hàng xuất khẩu của Liên minh Châu Âu (EU) sang thị trường các nước đang phát triển. Tốc độ buôn bán Nam-Nam hàng năm tăng 11%, gấp 2 lần tốc độ tăng xuất khẩu

của thế giới. Hoạt động thương mại nội khối của các nước đang phát triển cũng tăng mạnh, chiếm 40% buôn bán thế giới.

Theo kết quả công trình nghiên cứu của Hiệp hội liên kết Mỹ Latinh (ALADI), thương mại nội khối Mỹ Latinh có tốc độ tăng trưởng cao so với các khu vực khác trên thế giới, chủ yếu là do các nền kinh tế thành viên tiếp tục phục hồi và phát triển tốt. Kim ngạch thương mại nội khối trong năm 2005 đạt 74 tỷ USD (chưa kể Cu Ba), tăng 24% so với con số 60 tỷ USD của năm 2004. Về xuất khẩu, Braxin tiếp tục dẫn đầu, chiếm tới 37% kim ngạch chung, tiếp theo là Achentina 11,9%; Vêneduêla với 13,6%; Mêhicô, Côlômbia, Chilê từ 7,6 đến 9,5%. Pêru là quốc gia có mức tăng xuất khẩu nhanh nhất trong năm đạt 63,4%. Về nhập khẩu, Vêneduêla là nước có mức tăng trưởng nhập khẩu nhanh nhất với 62%, tiếp theo là Achentina 21%, Chilê 15% và Mêhicô 12%...

Do mở cửa và tự do hoá thương mại, các nước đang phát triển đang phải tiếp tục đối mặt với chế độ bảo hộ mậu dịch mà chủ yếu bằng các hàng rào phi thuế quan ngày càng quyết liệt. Mặc dù sự ràng buộc pháp luật của WTO đối với hàng rào thuế quan ngày càng được hoàn thiện nhưng các nước phát triển vẫn lợi dụng những sơ hở trong "luật chơi" để tiến hành bảo hộ mậu dịch. Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt khi bước vào toàn cầu hoá, do quyền lợi và mục đích khác nhau nên tranh chấp lợi ích kinh tế thương mại là không thể tránh khỏi. Đây là một xu thế có những nội dung mới đáng chú ý.

Vấn đề bức xúc nhất hiện nay đối với các nước đang phát triển là chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch của các nước công nghiệp

phát triển đang cản trở nỗ lực tự do hoá mậu dịch nông sản của các nước đang phát triển, nguồn lực chủ yếu trong công cuộc xoá đói giảm nghèo ở các nước này. Ngân hàng Thế giới (WB) vừa công bố nghiên cứu cho thấy nếu Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) thành công trong việc dỡ bỏ các rào cản thương mại, các nước nghèo nhất thế giới sẽ được hưởng lợi nhiều nhất. Theo ước tính của WB, việc xoá bỏ thuế quan, trợ cấp và các chương trình hỗ trợ trong các nước phát triển sẽ giúp kinh tế thế giới có thêm 300 tỷ đôla vào năm 2015, trong đó có 2/3 là lợi nhuận thu được từ nông nghiệp. Tính theo tỷ trọng GDP, lợi ích kinh tế mà các nước đang phát triển nhận được sẽ nhiều hơn 1/3 so với các nước giàu, trong đó các nước châu Phi cận Xahara sẽ được hưởng nhiều nhất.

Tại Hội nghị Bộ trưởng của nhóm 20 nước đang phát triển G-20 ở Niu Đêli Ấn Độ (tháng 3 năm 2005), các nước này đã tiếp tục đưa ra đề nghị từ bỏ chính sách bất bình đẳng trong mậu dịch nông sản, tiến tới bãi bỏ hoàn toàn trợ giá xuất khẩu nông sản của các nước phát triển. Tuy nhiên, khả năng đạt được thoả thuận buôn bán toàn cầu là rất khó khăn. Cuộc họp mới đây nhất tại Gicnevơ và Luân Đôn trong các ngày từ 7-10/11/2005 giữa các nước thành viên WTO và 5 đối tác buôn bán hàng đầu là Mỹ, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu, Ấn Độ và Braxin đã kết thúc mà chưa thể thu hẹp được bất đồng. Trong Hội nghị APEC tại Pusan Hàn Quốc tháng 11 năm 2005 và Hội nghị các Bộ trưởng của WTO ở Hồng Kông tháng 12 năm 2005, nhóm các nước đang phát triển đã thể hiện lập trường ngày càng kiên quyết hơn trong thương lượng về tự do hoá

thương mại toàn cầu. Cuộc đấu tranh bền bỉ mới đạt được một số tín hiệu tích cực về việc cắt giảm trợ cấp nông nghiệp, trợ giá xuất khẩu của các nước phát triển.

Ngoài các cuộc tranh chấp thương mại về hàng nông sản, còn vô số các hàng hóa khác của các nước đang phát triển gặp phải các cuộc tranh cãi mà chưa có hồi kết. Ví dụ như tháng 1 năm 2005, Mỹ đã đưa ra phán quyết rằng Ấn Độ, Thái Lan, Trung Quốc, Việt Nam, Braxin và Êcuado đã bán phá giá tôm, mở đường cho việc áp đặt thuế trừng phạt trung bình khoảng 17%. Tháng 11 năm 2005, Mỹ tuyên bố duy trì thuế chống phá giá đối với hàng tôm đông lạnh của Thái Lan và Ấn Độ, mặc dù hai nước này đã nỗ lực đòi cắt giảm thuế sau khi bị tàn phá bởi sóng thần ở Ấn Độ Dương hồi cuối năm 2004. Thái Lan là nước xuất khẩu tôm lớn nhất sang Mỹ đã nộp đơn kiện lên Tổ chức Thương mại Thế giới và cho rằng loại thuế này của Mỹ đã vi phạm các luật thương mại.

Kể từ 1/1/2005, khi các nước bắt đầu thực hiện chế độ xoá bỏ hạn ngạch hàng dệt may toàn cầu thì Trung Quốc và Ấn Độ được hưởng lợi lớn từ chế độ này. Theo tính toán của WTO, việc bãi bỏ hạn ngạch dệt may đã giúp thị phần của Ấn Độ trên thị trường thế giới tăng gấp 4 lần, từ 4% lên 15% và Trung Quốc gấp 3 lần từ 17% lên 50%. Năm 2005, quần áo nhập từ Trung Quốc vào Mỹ tăng 71% so với năm 2004, trị giá khoảng 8,2 tỷ USD, từ Ấn Độ tăng 34% (2,7 tỷ USD), từ Bangladesh tăng 24% (2,23 tỷ USD), từ Indônêxia tăng 17% (2,7 tỷ USD), từ Xrilanca tăng 18% (1,7 tỷ USD). Cuộc chiến về hàng dệt may diễn ra ngày càng ác liệt giữa Trung Quốc với Mỹ và với EU đã trở thành sự kiện tranh chấp thương mại lớn trong năm 2005. Tối tháng

6 năm 2005, cuộc chiến thương mại Trung Quốc - EU mới chấm dứt khi hai bên nhất trí hạn chế mức tăng hàng năm của 10 loại sản phẩm dệt của Trung Quốc xuất sang EU từ 8,5% lên 12,5% vào cuối năm 2007. Tháng 11 năm 2005, sau 5 lần gặp gỡ, cuộc đàm phán Mỹ - Trung đi vào giai đoạn kết thúc bằng một số thoả thuận, theo đó dự kiến xuất khẩu hàng may sẵn của Trung Quốc vào Mỹ sẽ tăng trưởng là 10% năm 2006, 12,5% năm 2007 và 15% năm 2008.

Phản ứng chung của các nước đối với những trở ngại trong hệ thống thương mại toàn cầu là thúc đẩy việc ký kết các hiệp định buôn bán song phương và khu vực. Xu hướng mới này đã xuất hiện từ những năm trước và đang ngày càng gia tăng. Tại châu Mỹ, trái với đàm phán về mậu dịch tự do châu Mỹ tiến triển chậm chạp, hợp tác song phương và đa phương ở cấp tiểu khu vực đã tăng lên. Tháng 3 năm 2005, khối Cộng đồng Châu Mỹ đã ký Hiệp định mậu dịch tự do với Mỹ, tháng 7 năm 2005 đã ký Thoả thuận Thương mại Tự do khu vực Trung Mỹ (CAFTA) giữa Mỹ và 6 nước En Xanvađo, Hondurat, Goatêmana, Côxta Rica, Nicaragua và Đôminica. Tiếp đó, Khối thị trường chung Nam Mỹ đã ký một loạt hiệp định với Liên minh Arập về hợp tác năng lượng, buôn bán... để tiến tới thành lập Khu vực mậu dịch tự do các nước phía Nam với các nước Arập. Ngoài ra, Mêhicô và Chilê cũng ký Hiệp định mậu dịch tự do song phương với Ôxtrâyliya, Hiệp định mậu dịch song phương Chilê - Nhật Bản và đang xúc tiến Hiệp định tự do Chilê - Trung Quốc...

Đối với các nước Đông Nam Á, Mỹ là thị trường xuất khẩu quan trọng. Hiện nay, chỉ có Xingapo là quốc gia Đông Nam Á

duy nhất đã ký kết được FTA với Mỹ. Các nền kinh tế châu Á khác như Hàn Quốc, Malaixia, Thái Lan đang bày tỏ mối quan tâm đến khả năng này. Trong tháng 10 năm 2005, Mỹ và Thái Lan đã đạt được tiến bộ đáng kể trong vòng đàm phán thứ 5 diễn ra tại Honolulu (Hawaii) sau cuộc gặp của Tổng thống Mỹ Bush và Thủ tướng Thái Lan Thaksin Shinawatra. Hai bên đã thoả thuận các vấn đề như dịch vụ đầu tư và dịch vụ tài chính, quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ môi trường... và dự kiến năm 2006 Thái Lan và Mỹ ký kết được FTA.

Ngoài ra, các nước ASEAN cũng rất tích cực đàm phán để ký các Hiệp định mậu dịch song phương với Ôxtrâyli và Trung Quốc. Hai nước Nhật Bản và Hàn Quốc cũng đang khẩn trương tiến hành đàm phán với ASEAN để thành lập khu vực mậu dịch tự do Nhật Bản - ASEAN, Hàn Quốc - ASEAN. Ấn Độ và các nước ASEAN đã nhất trí thúc đẩy thành lập FTA vào tháng 2 năm 2007. Các nước trong khu vực Đông Á cũng đang thảo luận để thành lập "Khối Cộng đồng Đông Á". Một trong những chuyển biến mới nhất của hợp tác khu vực Đông Á năm 2005 là các nước trong khu vực đã quyết định triệu tập Hội nghị thượng đỉnh Đông Á đầu tiên (EAS) vào tháng 12 năm 2005 tại Malaixia. Hiệp hội gồm 10 nước thành viên của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) và 3 nước là Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc. Nhưng ngay sau đó, các nước khác như Ấn Độ, Ôxtrâyli và Niu Dilân cũng muốn trở thành thành viên của EAS, nâng tổng số thành viên lên 16 nước.

Năm 2005 cũng là năm ghi nhận bước ngoặt trong quan hệ Trung Quốc - ASEAN. Ngày 2/11/2005, Hiệp định thương mại Châu Á - Thái Bình Dương đã

được ký kết tại Bắc Kinh (Trung Quốc). Bộ trưởng thương mại 6 nước châu Á gồm Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Xorilanca, Lào và Bangladet đã cam kết cắt giảm thuế quan đối với hơn 4.000 mặt hàng, trong đó Trung Quốc cam kết cắt giảm thuế quan 1.697 mặt hàng, Hàn Quốc 1.367 mặt hàng, Ấn Độ 570 mặt hàng, Xorilanca 424 mặt hàng và Bangladet 209 mặt hàng. Mức cắt giảm thuế quan đã được 6 nước trên thoả thuận trung bình là 29% và bắt đầu thực hiện từ 1/7/2006.

Ngoài ra, các nước đang phát triển đã áp dụng một số biện pháp cơ bản để thu thêm lợi nhuận từ các mặt hàng nông sản thiết yếu trên thị trường thế giới. Trước hết là việc kiểm soát và quản lý mức cung cấp vào thị trường các nước phát triển đang được bảo hộ, đồng thời tăng cường trao đổi thương mại nội vùng giữa các nước, thực hiện chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, tăng cường chế biến, thương mại hóa các sản phẩm có giá trị cao.

III. SỰ GIA TĂNG CÁC NGUỒN ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH VÀO CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các nền kinh tế đang phát triển, đặc biệt là các nền kinh tế thị trường mới nổi lên trong năm 2005 đã gia tăng, thậm chí còn vượt cả mức kỷ lục của năm trước khủng hoảng tài chính châu Á 1997. Nếu như trước đây nguồn vốn FDI chủ yếu là từ các nước tư bản phát triển sang các nước đang phát triển, thì hiện nay đã có thêm các luồng vốn từ các nước đang phát triển đầu tư sang nhau, góp phần đẩy mạnh luồng tài chính vào các nước đang phát triển.

Thống kê của UNCTAD cho thấy sau 3 năm giảm sút, lượng vốn FDI trên toàn

cầu đã bắt đầu tăng từ năm 2004 trong đó lượng vốn chảy vào các nước đang phát triển tăng 40%, đạt 233 tỷ USD, đặc biệt trong các khu vực như khai thác nguyên liệu, sản xuất điện, điện tử và dịch vụ.

Các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á và châu Đại Dương là điểm đến hấp dẫn đầu tư, đạt mức tăng trưởng thu hút FDI cao nhất tới 46%, trong đó Trung Quốc, Hồng Kông, Xingapo là những nơi thu hút nhiều nhất. Tính gộp lại, Trung Quốc và Ấn Độ chiếm tới 45% FDI đổ vào châu Á. Trong năm 2004, Trung Quốc đứng đầu các nước đang phát triển đã thu hút được 61 tỷ USD, chỉ sau Mỹ (96 tỷ USD) và Anh (78 tỷ USD). Chỉ riêng 8 tháng đầu năm 2005, đã có hơn 530.000 công ty có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký thành lập tại Trung Quốc. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế 8 - 9%/năm và dân số 1,3 tỷ người, Trung Quốc có sức hấp dẫn lớn cả về hàng xuất khẩu lẫn thị trường tiêu thụ sản phẩm. Sự tăng tốc hội nhập khu vực, đặc biệt là những nỗ lực của Trung Quốc và Ấn Độ với phần còn lại của châu Á đã làm cho các nước trong khu vực tăng cường hoặc ít nhất là duy trì được lợi thế so sánh của mình. Dựa trên các xu hướng này, Ngân hàng Phát triển Châu Á dự báo dòng vốn đầu tư vào khu vực sẽ đạt tốc độ tăng bình quân 30%/năm trong 3 năm tới.

Giải thích xu hướng FDI chuyển mạnh sang các nền kinh tế đang phát triển, ông Supachai Panetchpakdi, Tổng thư ký UNCTAD cho rằng "Thực tế FDI chảy vào các nước đang phát triển mạnh lên cho thấy sức ép cạnh tranh đã khiến các công ty xuyên quốc gia phải tăng cường tìm kiếm cơ hội đầu tư ở các nền kinh tế mới nổi lên có tốc độ phát triển kinh tế cao để cắt giảm chi phí. Giá nguyên liệu thô tăng cao,

nhất là dầu mỏ cũng là nhân tố kích thích dòng vốn FDI chảy vào các nền kinh tế đang phát triển giàu tài nguyên thiên nhiên".

Ông Anne Miroux, trưởng nhóm xây dựng Báo cáo đầu tư thế giới năm 2005 của UNCTAD cũng nhận định rằng dòng vốn FDI chảy vào các nền kinh tế đang phát triển trên thế giới sẽ tiếp tục mạnh trong vài năm tới. Một trong những căn cứ chính để nhiều chuyên gia và tổ chức nghiên cứu kinh tế nhận định như vậy là tại các nền kinh tế đang phát triển, các công ty xuyên quốc gia đang nâng cao tỷ lệ chi cho nghiên cứu và phát triển (R&D). Động thái này được đánh giá là một xu hướng mới trong tiến trình quốc tế hoá, đúng như lời nhận xét của ông Kofi Annan, Tổng thư ký Liên hợp quốc: "Hiện tại các công ty xuyên quốc gia nhìn nhận nhiều nền kinh tế đang phát triển không chỉ là nơi tạo nguồn lao động rẻ, mà còn là nơi tạo động lực tăng trưởng do có nguồn lao động lành nghề và công nghệ mới." Theo UNCTAD, các nền kinh tế đang phát triển châu Á đứng đầu là Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Xingapo đang là điểm đến hấp dẫn đối với các hoạt động R&D của các công ty đa quốc gia trên thế giới. Các nước này đang tiến dần vào dòng xoáy FDI lành mạnh, hội nhập sâu hơn và tiến bộ về công nghệ hơn. Kết quả là những nền kinh tế này đang được hưởng lợi lớn từ những khoản đầu tư chất lượng cao. Chuyển giao công nghệ đang diễn ra dưới nhiều hình thức thông qua những thỏa thuận hợp tác với các tổ chức nghiên cứu khoa học, liên doanh, di chuyển nhân lực... làm cho khoảng cách về công nghệ giữa trong và ngoài nước đang được thu hẹp. Mặc dù còn phải nỗ lực nhiều, nhưng xét về một số khía cạnh đã có những vùng

trong các nước đang phát triển đạt đẳng cấp quốc tế. Ví dụ, khu vực châu thổ sông Châu Giang của Trung Quốc có sức cạnh tranh toàn cầu về thiết kế và sản xuất phần cứng, còn châu thổ sông Dương Tử có thể cạnh tranh về công nghệ cao, trong khi đó vùng Bangalore và Bombay của Ấn Độ là những trụ cột của công nghệ phần mềm đang quốc tế hóa.

Sau một thời gian dài tập trung phát triển kinh tế ở trong nước, đến nay một số nước đang phát triển đã trở thành các nhà đầu tư hàng đầu. Trường hợp Hàn Quốc là một ví dụ tiêu biểu đang muốn trở thành một Thụy Sĩ đóng vai trò trung tâm ở Đông Bắc Á. Trong một số lĩnh vực như công nghiệp đóng tàu, điện thoại di động và xe ô tô, Hàn Quốc năng động đang cạnh tranh ngang tài, ngang sức với Mỹ, Nhật Bản và Tây Âu. Các công ty của Hàn Quốc như Hyundai, Samsung... đang hướng ra bên ngoài đầu tư và gia tăng xuất khẩu. Chiến dịch hướng ngoại của các công ty được chính phủ Hàn Quốc động viên bằng khẩu hiệu "Đầu tư ra nước ngoài là yêu nước". Năm 2005, Hàn Quốc đã trở thành nhà đầu tư ra nước ngoài lớn nhất ở châu Á, trong đó Trung Quốc và Ấn Độ thu hút đầu tư của Hàn Quốc mạnh nhất. Còn ở Việt Nam, Bộ kế hoạch và đầu tư cho biết hiện có 119 dự án của Việt Nam đang hoạt động ở 30 nước và khu vực trên thế giới với tổng số vốn đăng ký đạt 229,5 triệu USD.

Năm 2005 còn cho thấy giá dầu lửa tăng đã giúp cho các nước xuất khẩu dầu tăng ít nhất 4 lần thu nhập. Điều đó khiến cho các nước thuộc Tổ chức xuất khẩu dầu lửa (OPEC) tìm cách ưu tiên đầu tư phát triển trong nước. Các nước thành viên của OPEC chủ yếu là Ả-rập Xê-út, Iran, Irắc và Côte d'Ivoire, Các tiểu vương quốc Ả-rập thống

nhất, Cata, Nigêria, Indônêxia, Libi, Venêđuêla được hưởng lợi từ việc tăng giá dầu nhiều nhất. Khác với các cú sốc dầu lửa năm 1974 và 1980 khi các nước này đồng loạt sử dụng lợi nhuận để đầu tư mua các cổ phiếu ở các nước phát triển hay gửi vốn của họ vào các ngân hàng, nay các nước xuất khẩu dầu ưu tiên chiến lược đầu tư trong nước vào các hệ thống thăm dò và khai thác dầu khí, các dự án kinh tế xã hội hoặc trả các khoản nợ. Đó là trường hợp của Nigêria, Indônêxia, Ả-rập Xê-út. Nghiên cứu mới đây của Viện tài chính quốc tế (IIF) cho thấy trong năm 2005, mức tăng trưởng của các nước vùng Vịnh là 24,8% và dự báo các nước này sẽ đầu tư vào các cơ sở hạ tầng trong năm 2005 - 2006 là 140 tỷ USD, so với mức 35 tỷ USD của hai năm trước, trong đó riêng Ả-rập Xê-út dự tính đầu tư 50 tỷ USD cho hệ thống lọc dầu và 13,5 tỷ USD cho các chương trình xã hội và tăng lương cho tầng lớp hưu trí.

Cùng với việc tiếp nhận nguồn vốn FDI, các nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế, các nền kinh tế đang phát triển còn là nơi thu hút nguồn tiền của những người nhập cư hoặc lao động xuất khẩu từ các nước giàu gửi về. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, trong 20 năm qua số lao động nhập cư trên thế giới đã tăng gấp đôi, từ 105 triệu người năm 1985 lên 200 triệu người năm 2005. Nguồn vốn của những người nhập cư gửi về nước không ngừng gia tăng, đạt 232 tỷ USD trong đó riêng các nước đang phát triển là 167 tỷ USD so với 130 tỷ USD năm 2004. Điều đó góp phần quan trọng vào tăng trưởng GDP của các nước đang phát triển. Những nước được chuyển tiền về nhiều nhất là ở châu Mỹ Latinh, đứng đầu là Mêhicô. Tiếp theo

là châu Á, đứng đầu là Ấn Độ, Philippin, Trung Quốc. Ở Việt Nam hiện nay, lượng ngoại tệ gửi về cũng đạt khoảng 3 tỷ USD/năm. Châu Phi cũng được chuyển về hàng năm số tiền 9,7 tỷ Euro, trong đó Maroc nhận trung bình 3,1 tỷ USD/năm trong 5 năm qua, đứng thứ tư trên thế giới về số lượng ngoại tệ nhận được từ ngoại kiều sau Ấn Độ, Mêhicô và Philippin.

Trên cấp độ quốc tế, số tiền của những người lao động nhập cư gửi về nước trị giá gấp 2 lần viện trợ của các nước giàu giành cho các nước đang phát triển, đồng thời là nguồn tài chính thứ hai của thế giới đang phát triển sau các nguồn đầu tư trực tiếp. Tuy nhiên, nếu tính cả những khoản tiền gửi không chính thức thì số tiền của người lao động nhập cư gửi về nước phải cao gấp 1,5 lần con số đã công bố.

Dự đoán với nhu cầu ngày càng tăng nhân công lành nghề tại các nước phát triển và xu hướng di cư thế giới, lượng vốn trên đang ngày càng gia tăng đến nỗi trong các hội nghị quốc tế, Mỹ và các nước phát triển đã đặt thành vấn đề thảo luận nhằm giúp các nước đang phát triển sử dụng hợp lý nguồn vốn này bằng cách dễ dàng tiếp cận với các thiết chế tài chính để chi trả cho sự phát triển của mình. Theo những khảo sát vừa qua, thông thường các hộ gia đình dành phần lớn số tiền đó để mua bất động sản và tiêu dùng chứ chưa được kiểm soát và quản lý để đưa vào sản xuất, góp phần vào nguồn vốn phát triển trong nước.

IV. XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐÃ TÁC ĐỘNG TỚI VỊ THẾ CHÍNH TRỊ VÀ VAI TRÒ QUỐC TẾ CỦA CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

Trong thời gian qua, những tiến bộ kinh tế đã tác động tới vị thế chính trị và

vai trò quốc tế của các nước đang phát triển. Lần đầu tiên trong hơn một thế kỷ qua, một phần quyền lực kinh tế đã chuyển dịch từ các nước công nghiệp phát triển tới một số nước đang phát triển. Theo các chuyên gia WB, các nước mới công nghiệp hoá hiện nay như nhóm Đông Á đang có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn nhiều so với kinh tế của các nước OECD, đã đưa tổng số người thoát khỏi đói nghèo trong khu vực lên 250 triệu người trong 5 năm qua. Châu Á đã trở thành địa chỉ hấp dẫn nhất thế giới đối với đầu tư nước ngoài, còn các nước Mỹ Latinh sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định trong mấy năm tới. Theo nghiên cứu của UNCTAD ngày 5/9/2005, các công ty ở các nước đang phát triển đã sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư FDI và đóng vai trò ngày càng quan trọng trên thị trường toàn cầu, nhờ vậy, địa vị kinh tế và chính trị của các nước đang phát triển càng được nâng cao trên trường quốc tế.

Trong các nước châu Á, Trung Quốc và Ấn Độ đang có xu hướng trở thành những cường quốc kinh tế lớn. Sự coi trọng của các nước trên thế giới đối với Trung Quốc đã và đang ngày càng biểu hiện bằng hành động thúc đẩy quan hệ, tăng cường hợp tác đối với Trung Quốc. Sự chú ý của nhiều nước đang dần chuyển từ phương Tây sang phương Đông, các nước đang phát triển đã rất coi trọng mô hình phát triển của Trung Quốc, còn các nước phát triển khi xử lý các quan hệ đối ngoại và các vấn đề quốc tế đều xem xét một cách kỹ càng nhân tố Trung Quốc.

Tạp chí "Nghiên cứu các vấn đề quốc tế" (Trung Quốc) số 3 năm 2005 đã dẫn lời của cựu ngoại trưởng Mỹ Kissinger "Hơn một thế kỷ trước đây, việc xuất hiện một

nước Đức thống nhất đã phá vỡ sự cân bằng của thể chế châu Âu. Còn trong thời đại hiện nay, sự nổi lên của Trung Quốc lại có ý nghĩa lịch sử hơn, nó đánh dấu trọng tâm của công việc toàn cầu đã được chuyển dịch từ Đại Tây Dương sang Thái Bình Dương”.

Do tăng cường nội lực kinh tế như vậy, các nước đang phát triển đã thúc đẩy cuộc đấu tranh giành quyền đại diện và vai trò lớn hơn trong các tổ chức quốc tế. Tại Hội nghị các nhà hoạch định chính sách của Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) tháng 9 năm 2005, nhóm G-24 đại diện cho các nước đang phát triển đã lên tiếng đòi quyền đại diện và vai trò lớn hơn trong tiến trình hoạch định chính sách của hai tổ chức tài chính lớn nhất thế giới này. Tuyên bố của nhóm G-24 đã nhấn mạnh, quyền đại diện của các nước đang phát triển hiện nay không cân xứng đã tiếp tục tổn hại đến uy tín và tính hợp pháp của WTO và IMF. Vì vậy, hai tổ chức này cần phải tìm ra một công thức mới để phản ánh chính xác quy mô kinh tế của các nước đang phát triển trong nền kinh tế thế giới, trong đó phải tính đến khả năng dễ bị tổn thương của các nước đang phát triển trước những biến động về giá cả hàng hoá, dòng vốn và những biến động khác. Do vậy, WTO và IMF phải ưu tiên khẩn cấp nhằm tăng cường địa vị của các nước đang phát triển, đặc biệt là các nền kinh tế thị trường mới nổi lên ở châu Á.

Kỷ nguyên kinh tế mới này đã tác động lên đời sống chính trị trên toàn thế giới hết sức sâu sắc. Những quốc gia công nghiệp hàng đầu như nhóm G-7 trước đây đã chi phối chính trị và kinh tế toàn cầu thì đến nay phải chia sẻ ảnh hưởng và quyền lợi với các nước đang phát triển.

Trên nhiều diễn đàn kinh tế toàn cầu mới đây, ông Rodrigo Rato - Giám đốc điều hành Quỹ tiền tệ quốc tế IMF luôn lên tiếng ủng hộ các nước đang phát triển. Ông nhấn mạnh rằng đã đến lúc phải cải tổ cơ cấu quyền lực trong các cơ quan tài chính quốc tế để tăng cường vai trò và tiếng nói của các nền kinh tế châu Á và cũng như tăng quyền đại diện cho phù hợp với quy mô kinh tế và vai trò của châu Phi trong nền kinh tế thế giới. Ông cho rằng cải tổ IMF theo định hướng này là nhằm khôi phục lòng tin vào IMF vì tổ chức này đang bị mất đi tính pháp lý do các nền kinh tế mới nổi lên ở châu Á không được đại diện tương xứng trong ban lãnh đạo IMF.

Tuy nhiên, các cuộc thương lượng nhằm tăng vai trò của các nước đang phát triển mới nổi lên là thách thức lớn nhất đối với IMF sau nhiều thập kỷ tổ chức này bị Mỹ và châu Âu chi phối. Tiến trình thương lượng này sẽ rất phức tạp khó khăn vì cần sự nhất trí chính trị của tất cả các nước thành viên IMF, trong khi Mỹ và châu Âu không dễ dàng từ bỏ đặc quyền của họ. Trong lịch sử 60 năm của IMF, cơ cấu hạn ngạch quyền bỏ phiếu của các thành viên IMF chỉ mới có một lần thay đổi duy nhất vào năm 1992, khi Anh nhường một số quyền bỏ phiếu cho Nhật Bản là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới lúc đó. Châu Á đang kêu gọi IMF có những bước đi cụ thể và hành động càng sớm càng tốt để thúc đẩy tiến trình thương lượng đạt kết quả tại hội nghị hàng năm của IMF tại Xingapo vào tháng 9 năm 2006 và yêu cầu thực hiện chế độ hạn ngạch quyền bỏ phiếu mới cho châu Á vào đầu năm 2008. Ngoài các thể chế tài chính toàn cầu như WB, IMF, các nước đang phát triển còn có tiếng nói trong các tổ chức, diễn đàn quốc tế như Liên hiệp quốc, WTO, APEC...

KẾT LUẬN

Dù tình hình kinh tế, chính trị các nước đang phát triển đã có nhiều khả quan, nhưng khoảng cách giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển vẫn còn rất xa, bởi vì 80% tổng sản phẩm quốc nội trên thế giới hiện vẫn đang thuộc về 1 tỷ người sống trong các nước phát triển, còn lại 5 tỷ dân tại các nước đang phát triển chỉ sở hữu có 20%. Thêm vào đó, khoảng cách giữa các nước đang phát triển cũng ngày càng lớn. Theo báo cáo công bố tháng 9 năm 2005 của Ngân hàng Thế giới (WB), các nước nghèo trên thế giới trong đó phần lớn nằm ở châu Phi, một số nước Nam Á, Trung Á và Mỹ Latinh đang ngày càng nghèo đi, trong khi các nguồn tài nguyên thiên nhiên đang dần cạn kiệt. Châu Phi sẽ rất khó đạt được Các Mục tiêu thiên niên kỷ (MDGs) của Liên hiệp quốc nếu không đẩy mạnh cải cách, nâng cao năng lực điều hành, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển, tạo ra nhiều việc làm. Báo cáo cũng đánh giá rằng, tình trạng quan liêu đang là thách thức lớn nhất đối với các nước châu Phi trong việc lôi kéo các nhà đầu tư. Châu lục này đang

bị tụt hậu so với các châu lục khác trong việc tạo ra môi trường kinh doanh thân thiện.

Nhóm những nền kinh tế đạt được các thành tựu phát triển khá ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương gồm: Ấn Độ, Xingapo, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan và Malaixia..., ở châu Mỹ Latinh có Achentina, Mêhicô, Braxin..., ở châu Phi có Nam Phi, Angiêri... Những nước này đã trưởng thành và đóng vai trò tiên phong, buộc các nước phát triển phải chấp nhận một thế giới đa cực mà trong đó sự giàu có và hoạt động kinh tế ở trình độ cao đã xuất hiện ở nhiều nơi trong thế giới đang phát triển. Theo Liên hiệp quốc, việc giải quyết tình trạng mất cân đối về kinh tế không chỉ tiến hành trong mỗi quốc gia mà còn giữa các quốc gia với nhau. Các chiến lược kinh tế xã hội cần tập trung vào việc tiếp cận các nguồn lực và các dịch vụ xã hội và thị trường, kết hợp với các chương trình phát triển kinh tế. Nếu chỉ tập trung vào việc phát triển kinh tế mà không quan tâm đến các chương trình xã hội phù hợp thì khó có thể xoá bỏ được tình trạng nghèo đói trên thế giới như hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- *FDI chuyển sang các nước đang phát triển*. Báo Đầu tư, 5/10/2005.
- *Vai trò địa vị 20 năm tới của các nước đang phát triển*, Tạp chí Các vấn đề quốc tế, TTXVN 5/2004
- *Nhân tố Trung Quốc ngày càng quan trọng trong cuộc diện kinh tế giới*. Tạp chí Nghiên cứu các vấn đề quốc tế (Trung Quốc) số 3/2005
- *World Economic Outlook 2005*, September 2005, International Monetary Fund (IMF).
- Website Thời báo Kinh tế: www.vneconomy.com.vn
- Website Báo Đầu tư: www.vir.com.vn